

Bản án số: 1007/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-11-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hương;

2. Ông Võ Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh – số 1400 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh - xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1490/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3243/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3787/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1986 (*có mặt*)

Địa chỉ thường trú: phường B, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T - Sinh năm: 1986 (*vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: phường B, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ gửi thư: phường B, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày bà T và ông Nguyễn Thanh T kết hôn ngày 14/9/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trong nhiều năm, chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, trách nhiệm gia đình và cách

hành xử; cụ thể ông T xem thường và không thấu hiểu vai trò người phụ nữ trong gia đình, không quan tâm, hỗ trợ bà T trong việc chăm sóc con cũng như không phụ giúp công việc hằng ngày; luôn có thái độ trịch thượng, gắt gỏng khi vợ chồng bất đồng quan điểm về vấn đề nào đó, thiếu tôn trọng bà T và không có thiện chí tìm tiếng nói chung; ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, hai người thường xuyên đưa nhau đi ăn uống, mua sắm và đi khách sạn làm bà T bị tổn thương sâu sắc. Hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hiện hoàn toàn không còn tình cảm vợ chồng, không còn bất cứ sự quan tâm, hỗ trợ hay chia sẻ. Từ tháng 02/2025 đến nay, ông T hoàn toàn ngắt kết nối với bà T và các con. Việc tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân kéo dài thêm căng thẳng, ảnh hưởng đến tinh thần, cuộc sống và sự phát triển bình thường của các con chung. Do đó bà T đề nghị được ly hôn với ông T. Giữa bà T và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Gia H (giới tính nữ, sinh ngày 05/3/2014) và Nguyễn Phúc A (giới tính nữ, sinh ngày 20/10/2020), bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nhằm đảm bảo điều kiện vật chất, tinh thần ổn định và môi trường sống an toàn, lành mạnh, phù hợp tâm sinh lý cho các con; yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung với mức cấp dưỡng 6.000.000đồng/tháng (tổng chi phí cho mỗi con ăn và học dự trù là 12.000.000đồng/tháng). Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T giữ nguyên yêu cầu; ông T trình bày không đồng ý ly hôn vì tranh chấp tài sản chung, trong trường hợp ly hôn, ông T đồng ý giao 02 con cho bà T nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con ông T có ý kiến sau; tài sản chung ông T nộp đơn tranh chấp hạn chót vào ngày 01/9/2025.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T trình bày giữ nguyên yêu cầu ly hôn và người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn; yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 6.000.000đồng, việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hằng tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thanh T vắng mặt. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T của bà Nguyễn Thị T; giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng từ 4.000.000đồng đến 6.000.000đồng, việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hằng tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi; tài sản chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Phạm vi giải quyết: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh T; giải quyết con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung tự giải quyết. Tại Bản tự khai đề ngày 11/8/2025, bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày hạn chót ông T nộp tranh chấp tài sản chung là ngày 01/9/2025 tuy nhiên đến phiên tòa sơ thẩm ông T vẫn không nộp đơn phản tố. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử chỉ giải quyết yêu cầu của bà T.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh T; tại thời điểm bà T nộp đơn xin ly hôn thì ông T cư trú tại phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), đây là vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông T được Ủy ban nhân dân xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 058 ngày 14/9/2012, căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông T; ông T không đồng ý ly hôn vì tranh chấp tài sản chung. Hội đồng xét xử nhận thấy lý do ông T không đồng ý ly hôn không xuất phát từ việc ông T còn yêu thương bà T, muốn duy trì quan hệ hôn nhân hạnh phúc; đồng thời các tài liệu do bà T giao nộp thể hiện ông T vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của chồng, làm cho hôn nhân giữa bà T và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó đối chiếu quy định tại Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn ông T của bà T.

[2.2] Về con chung: Tự khai của bà T về 02 con chung với ông T phù hợp với Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2020 cho Nguyễn Phúc A (giới tính nữ, sinh ngày 20/10/2020) và Ủy ban nhân dân xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/5/2014 cho Nguyễn Phúc Gia H (giới tính nữ, sinh ngày 05/3/2014). Do đó xác định trẻ Nguyễn Phúc A và Nguyễn Phúc Gia H là con chung của bà T và ông T. bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; trẻ Gia Hân có nguyện vọng được sống chung với bà T; ông T đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp

nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 6.000.000đồng/tháng do chi phí ăn và học của mỗi trẻ dự trù là 12.000.000đồng/tháng tuy nhiên chưa cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày của bà T. Đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 “*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”, Nghị định 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 (hiệu lực ngày 01/7/2025) và Phụ lục 1 quy định mức lương tối thiểu là 4.960.000đồng/tháng, Hội đồng xét xử buộc ông T cấp dưỡng mỗi con là 5.000.000đồng/tháng, việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hằng tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung: bà T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định nêu trên.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà T chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông T chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, năm 2022;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý Nhà nước lĩnh vực nội vụ;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Gia H (giới tính nữ, sinh ngày 05/3/2014) và Nguyễn Phúc A (giới tính nữ, sinh ngày 20/10/2020); giao con chung cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hằng tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng do bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh T tự thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị T chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000466 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Thanh T nộp.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 058 ngày 14/9/2012 do Ủy ban nhân dân xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp không còn giá trị kể từ ngày Bản án này có hiệu lực.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ Bản án. Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Khu vực 2 - TPHCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM
(Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - TPHCM);
- UBND P. Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hải Quỳnh Anh